

CÔNG TY CP QUẢN LÝ QUỸ BÔNG SEN  
BẢO CẠO TỶ LỆ AN TOÀN TẠI CHÍNH  
GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT  
Tại thời điểm 30/06/2022



MỤC LỤC	NỘI DUNG	TRANG
	BẢO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02 - 03
	BẢO CÁO SOÁT XÉT VỀ BẢO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TẠI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	04
	BẢO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TẠI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	05 - 13



## BÁO CÁO CỦA BAN TÔNG GIÁM ĐỐC

Chúng tôi các thành viên Ban Tông giám đốc Công ty CP Quản lý quỹ Bông Sen (sau đây gọi tắt là "Công ty")  
trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính giữa niên độ đã được soát xét tại thời điểm  
30/06/2022.

### Khai quát chung về Công ty

Công ty CP Quản lý quỹ Bông Sen (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được thành lập và hoạt động theo Giấy phép  
số 35/UBCK-GP ngày 10/03/2009 của Ủy ban chứng khoán Nhà nước. Trong quá trình hoạt động, Công ty có 06  
lần được cấp bổ sung Giấy phép điều chỉnh về những việc: bổ sung nghiệp vụ hoạt động kinh doanh, thay đổi trụ  
sở văn phòng, thay đổi người đại diện theo pháp luật và thay đổi tên tiếng Anh của Công ty.

Theo Giấy phép số 35/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 10/03/2009 thì vốn điều lệ của  
Công ty là: 25.000.000.000 VND (Bằng chữ: Hai mươi lăm tỷ đồng Việt Nam).

Theo Giấy phép điều chỉnh số 37/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp bổ sung ngày  
06/07/2020 thì Công ty chuyển địa chỉ trụ sở chính về Phòng C54118, C54119 & C54120, tầng 41, tòa nhà C5  
D'.Capitale, Số 119 Trần Duy Hưng, P. Trung Hòa, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội.

Đến thời điểm phát hành Báo cáo này, kể từ ngày 05/08/2022, người đại diện theo pháp luật mới của Công ty là  
Ông Hoàng Lê Hoàng, chức danh Tông giám đốc theo Giấy phép điều chỉnh số 71/GPĐC-UBCK ngày  
05/08/2022 của chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

### Hội đồng quản trị, Ban Tông giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tông giám đốc điều hành Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày  
01/01/2022 đến ngày 30/06/2022 và đến ngày lập Báo cáo này, gồm:

#### Hội đồng quản trị

Chức vụ

Ông Bùi Trung Kiên

Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 28/06/2022)

Ông Nguyễn Hải Dương

Chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 28/06/2022)

Ông Trần Đình Dũng

Thành viên (Bổ nhiệm ngày 28/06/2022)

Ông Nguyễn Quang Minh

Thành viên

Ông Phạm Thanh Tùng

Thành viên

Ông Nguyễn Minh Tùng

Thành viên (Miễn nhiệm ngày 28/06/2022)

#### Ban Tông Giám đốc

Chức vụ

Ông Cao Hoài Thanh

Tông Giám đốc

Ông Nguyễn Đức Tài

Phó Tông Giám đốc

Ông Lê Thanh Tri

Phó Tông Giám đốc

#### Trụ sở chính

Địa chỉ: Phòng C54118, C54119 & C54120, tầng 41, tòa nhà C5 D'.Capitale, Số 119 Trần Duy Hưng, P. Trung  
Hòa, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội.

## BẢO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

(tiếp theo)

Công bố trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc đối với Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính giữa niên độ

Ban Tổng giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính giữa niên độ tại thời điểm 30/06/2022 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tỷ lệ an toàn tài chính tại thời điểm 30/06/2022 và nhân thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Trong quá trình lập Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính giữa niên độ, Ban Tổng giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các quy định tại Thông tư số 91/2020/TT-BTC ngày 13/11/2020 của Bộ Tài chính về việc quy định các chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính.

Ban Tổng giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30/06/2022.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng giám đốc,  
CÔNG TY CP QUẢN LÝ QUỸ BÔNG SEN



Cao Hoài Thanh

Tổng giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 08 năm 2022



Số: 666 BCTC/TC/NV8

Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2022

**BẢO CAO SOÁT XÉT**

về Bảo cáo tỷ lệ an toàn tài chính giữa niên độ tại thời điểm 30/06/2022

Kính gửi: Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc Công ty CP Quan lý quỹ Bông Sen

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam đã tiến hành soát xét Bảo cáo tỷ lệ an toàn tài chính giữa niên độ tại thời điểm 30/06/2022 của Công ty CP Quan lý quỹ Bông Sen (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 10 tháng 08 năm 2022, từ trang 05 đến trang 13 kèm theo.

**Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc**

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Bảo cáo tỷ lệ an toàn tài chính giữa niên độ tại thời điểm 30/06/2022 phù hợp quy định tại Thông tư số 91/2020/TT-BTC ngày 13/11/2020 của Bộ Tài chính quy định chi tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chi tiêu an toàn tài chính và chịu trách nhiệm về việc soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Bảo cáo tỷ lệ an toàn tài chính giữa niên độ tại thời điểm 30/06/2022 không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

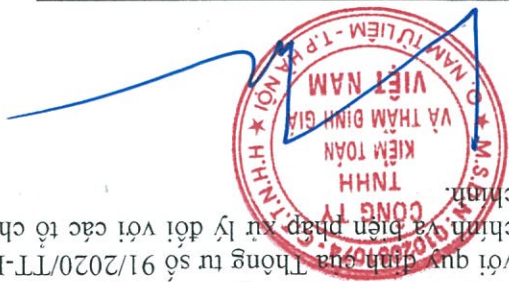
**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Bảo cáo tỷ lệ an toàn tài chính giữa niên độ tại ngày 30/06/2022 dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo các nguyên tắc của Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do Kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện, trong phạm vi các nguyên tắc này có thể được áp dụng cho công việc soát xét thông tin tài chính qua khứ do kiểm toán viên độc lập thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

**Kết luận của kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Bảo cáo tỷ lệ an toàn tài chính giữa niên độ kèm theo, trên các khía cạnh trọng yếu, được lập và trình bày không phù hợp với quy định của Thông tư số 91/2020/TT-BTC ngày 13/11/2020 của Bộ Tài chính quy định chi tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chi tiêu an toàn tài chính.



Mai Quang Hiệp  
 Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1320-2018-126-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ THẨM ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

STT	NỘI DUNG		
	Vốn khả dụng	Vốn khả dụng	Vốn khả dụng
	(1)	(2)	(3)
A	Vốn chủ sở hữu		
1	Vốn góp của chủ sở hữu không bao gồm cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có)	25.000.000.000	-
2	Thặng dư vốn cổ phần không bao gồm cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có)	-	-
3	Cổ phiếu quỹ	-	-
4	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	-	-
5	Quỹ đầu tư phát triển	-	-
6	Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	-	-
7	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-
8	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	31.350.018	-
9	Số dư dự phòng suy giảm giá trị tài sản	1.000.000.000	-
10	Chênh lệch đánh giá lại tài sản cổ định	-	-
11	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-
12	Các khoản nợ có thể chuyển đổi	-	-
13	Toàn bộ phần giảm di hoặc tăng thêm của các chứng khoán tại chi tiêu đầu tư tài chính	1.000.000.000	541.362.195
14	Vốn khác (nếu có)	-	-
IA	Tổng		25.572.712.213
B	Tài sản ngắn hạn		
I	Tiền và các khoản tương đương tiền	-	-
II	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-
1	Đầu tư ngắn hạn	-	-
	Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường theo quy định tại khoản 2 điều 9	-	-
	Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng theo quy định khoản 5 Điều 6	-	-

## I. BẢNG TÌNH VỐN KHẢ DỤNG

Đơn vị tính: VND

Tài thời điểm: 30/06/2022

## BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TẠI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

CÔNG TY CP QUẢN LÝ QUY BÔNG SEN  
Địa chỉ: Phòng C54118, C54119 & C54120, tầng 41, tòa nhà C5 D'Capitale,  
số 119 Trần Duy Hưng, P. Trung Hòa, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội  
GIỮA NIÊN ĐỘ  
tại thời điểm 30/06/2022

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TẠI CHÍNH



**BẢO CẢO TỶ LỆ AN TOÀN TẠI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại thời điểm: 30/06/2022

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

**I. BẢNG TÌNH VỐN KHẢ DỤNG (tiếp theo)**

STT	NỘI DUNG		
	Vốn khả dụng	Vốn khả dụng	Khả năng tăng thêm
4	Tài sản ngắn hạn khác	-	-
4.1	Tầm ứng	-	-
	- Tầm ứng có thời hạn hoàn ứng còn lại từ 90 ngày trở xuống	-	-
	- Tầm ứng có thời hạn hoàn ứng còn lại trên 90 ngày	-	-
4.2	Tài sản ngắn hạn khác	-	-
1B	Tổng	351.394.084	
C	Tài sản dài hạn		
I	Các khoản phải thu dài hạn, kể cả phải thu từ hoạt động uy thác	-	-
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	-	-
	- Phải thu dài hạn của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống	-	-
	- Phải thu dài hạn của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày	-	-
2	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	-	-
3	Phải thu dài hạn nội bộ	-	-
	- Phải thu dài hạn nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống	-	-
	- Phải thu dài hạn nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày	-	-
4	Phải thu dài hạn khác	-	-
	- Phải thu dài hạn khác có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống	-	-
	- Phải thu dài hạn khác có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày	-	-
5	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	-	-
II	Tài sản cố định	-	-
III	Bất động sản đầu tư	-	-
IV	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	-	-
1	Đầu tư vào công ty con	-	-
2	Đầu tư chứng khoán dài hạn	-	-
	- Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường	-	-
	- Chứng khoán bị giam trừ khỏi vốn khả dụng theo quy định tại khoản 5 Điều 6	-	-





BẢO CẢO TỶ LỆ AN TOÀN TẠI CHINH GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại thời điểm: 30/06/2022

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

I. BẢNG TÍNH VỐN KHẢ DỤNG (tiếp theo)

STT	NỘI DUNG		Số dư	Số dư âm	Số dư dương
	Vốn khả dụng	Khoản giảm trừ			
			(1)	(2)	(3)
3	Các khoản đầu tư dài hạn ra nước ngoài		-	-	-
4	Đầu tư dài hạn khác		-	-	-
5	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		-	-	-
V	Tài sản dài hạn khác		-	1.125.116.874	-
1	Chi phí trả trước dài hạn		-	16.608.652	-
2	Tài sản thuê thu nhập hoãn lại		-	-	-
3	Tài sản dài hạn khác		-	1.108.508.222	-
	Các chỉ tiêu tài sản bị coi là khoản ngoài trừ, có ý kiến trái ngược hoặc từ chối đưa ra ý kiến tài báo cáo tài chính đã được kiểm toán, soát xét mà không bị tinh giảm trừ theo quy định tại Điều 5		-	-	-
IC	Tổng			1.125.116.874	-
D	Các khoản kỳ quỹ, đảm bảo		-	-	-
1	Giá trị kỳ quỹ		-	-	-
1.1	Giá trị đóng góp vào quỹ hỗ trợ thanh toán của Trung tâm Lưu ký chứng khoán (đội với thị trường chứng khoán phái sinh)		-	-	-
1.2	Giá trị đóng góp quỹ bù trừ của đội tác thanh toán trung tâm đối với vị thế mở của chính thành viên bù trừ (đối với thị trường chứng khoán phái sinh)		-	-	-
1.3	Khoản ký quỹ bằng tiền và giá trị bảo lãnh thanh toán của ngân hàng khi phát hành chứng quyền có bảo đảm		-	-	-
2	Giá trị tài sản bảo đảm cho các nghĩa vụ phải trả có thời hạn còn lại trên 90 ngày		-	-	-
ID	Tổng				
VỐN KHẢ DỤNG = 1A - 1B - 1C - 1D					24.096.201.255

SE YD T 1 / 11

**BẢO CẠO TỶ LỆ AN TOÀN TẠI CHINH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại thời điểm: 30/06/2022

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

**II. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO (tiếp theo)**

**A. GIÁ TRỊ RỦI RO THỊ TRƯỜNG (tiếp theo)**

Hệ số rủi ro (%)	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro	Các hàng mục đầu tư	
			(1)	(2)
		(3) = (1) x (2)	I. Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ	
			1	Tiền mặt (VND)
			0	12.571.105.084
			2	Các khoản tương đương tiền
			0	
			3	Giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng trên thị trường tiền tệ, chứng chỉ tiền gửi
			0	
			II. Trái phiếu Chính phủ	
			4	Trái phiếu Chính phủ không trả lãi
			0	
			5	Trái phiếu Chính phủ trả lãi suất cố định: Trái phiếu Chính phủ (bao gồm công trái và trái phiếu công trình đã phát hành trước đây), trái phiếu Chính phủ các nước thuộc khối OECD hoặc được bảo lãnh bởi Chính phủ hoặc Ngân hàng Trung ương của các nước thuộc khối này, trái phiếu được phát hành bởi các tổ chức quốc tế (IBRD, ADB, IADB, AFD, EIB và EBRD, Trái phiếu chính quyền địa phương.
			III. Trái phiếu tổ chức tín dụng	
			6	Trái phiếu tổ chức tín dụng có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi
			-	
			3	Trái phiếu tổ chức tín dụng có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi
			-	
			8	Trái phiếu tổ chức tín dụng có thời gian đáo hạn còn từ 1 năm đến dưới 3 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi
			-	
			10	Trái phiếu tổ chức tín dụng có thời gian đáo hạn còn lại từ 3 năm đến dưới 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi
			-	
			15	Trái phiếu tổ chức tín dụng có thời gian đáo hạn còn lại từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi
			IV. Trái phiếu doanh nghiệp	
			Trái phiếu doanh nghiệp	
			-	
			7	
			8	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi
			-	
			10	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 1 năm đến dưới 3 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi
			-	
			15	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 3 năm đến dưới 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi
			-	
			20	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi

**BẢO CẢO TỶ LỆ AN TOÀN TẠI CHỖ**

Tại thời điểm: 30/06/2022

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

**II. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO (tiếp theo)**  
**A. GIÁ TRỊ RỦI RO THỊ TRƯỜNG (tiếp theo)**

Hệ số rủi ro (%) (1)	Quy mô rủi ro (2)	Giá trị rủi ro (3) = (1) x (2)	Các hàng mục đầu tư	
			Trái phiếu doanh nghiệp không niêm yết	Trái phiếu không niêm yết do doanh nghiệp niêm yết phát hành có thời gian đáo hạn còn lại từ 1 năm đến dưới 3 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi
-	-	-	Trái phiếu không niêm yết do doanh nghiệp niêm yết phát hành có thời gian đáo hạn còn lại từ 1 năm đến dưới 3 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	Trái phiếu không niêm yết do doanh nghiệp niêm yết phát hành có thời gian đáo hạn còn lại từ 3 năm đến dưới 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi
-	-	-	Trái phiếu không niêm yết do doanh nghiệp niêm yết phát hành có thời gian đáo hạn còn lại từ 1 năm đến dưới 3 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 3 năm đến dưới 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi
-	-	-	Trái phiếu không niêm yết do doanh nghiệp niêm yết phát hành có thời gian đáo hạn còn lại từ 3 năm đến dưới 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi
<b>8</b>				
-	-	-	Trái phiếu không niêm yết do doanh nghiệp niêm yết phát hành có thời gian đáo hạn còn lại từ 1 năm đến dưới 3 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 1 năm đến dưới 3 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi
-	-	-	Trái phiếu không niêm yết do doanh nghiệp niêm yết phát hành có thời gian đáo hạn còn lại từ 3 năm đến dưới 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 3 năm đến dưới 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi
-	-	-	Trái phiếu không niêm yết do doanh nghiệp niêm yết phát hành có thời gian đáo hạn còn lại từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi
<b>V. Cổ phiếu</b>				
10	9.329.834.100	932.983.410	Cổ phiếu phổ thông, có phiếu ưu đãi của các tổ chức niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội	Cổ phiếu phổ thông, có phiếu ưu đãi của các tổ chức niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh; chứng chỉ quỹ mở
15	-	-	Cổ phiếu phổ thông, có phiếu ưu đãi của các tổ chức niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội	Cổ phiếu phổ thông, có phiếu ưu đãi của các công ty đại chúng chưa niêm yết, đang ký giao dịch qua hệ thống UpCom
20	-	-	Cổ phiếu phổ thông, có phiếu ưu đãi của các công ty đại chúng chưa niêm yết, đang ký giao dịch qua hệ thống UpCom	Cổ phiếu phổ thông, có phiếu ưu đãi của các công ty đại chúng đã đăng ký lưu ký, nhưng chưa niêm yết hoặc đang ký giao dịch; cổ phiếu đang trong đợt phát hành lần đầu (IPO)
30	-	-	Cổ phiếu phổ thông, có phiếu ưu đãi của các công ty đại chúng đã đăng ký lưu ký, nhưng chưa niêm yết hoặc đang ký giao dịch; cổ phiếu đang trong đợt phát hành lần đầu (IPO)	Cổ phiếu của các công ty đại chúng khác
50	-	-	Cổ phiếu của các công ty đại chúng khác	



**BẢO CẢO TỶ LỆ AN TOÀN TẠI CHINH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại thời điểm: 30/06/2022

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

**II. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO (tiếp theo)**

**A. GIÁ TRỊ RỦI RO THỊ TRƯỜNG (tiếp theo)**

Mã chứng khoán	Mức tăng thêm	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro	Các hàng mục đầu tư	
				Hệ số rủi ro (%)	Quy mô rủi ro
				(1)	(2)
				(3) = (1) x (2)	
<b>VI. Chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán</b>					
14	Quỹ đại chúng, bao gồm cả công ty đầu tư chứng khoán đại chúng	10	-		
15	Quỹ thành viên, công ty đầu tư chứng khoán riêng lẻ	30	-		
<b>VII. Chứng khoán bị hạn chế giao dịch</b>					
16	Chứng khoán công ty đại chúng chưa niêm yết bị nhắc nhở do chậm công bố thông tin báo cáo tài chính kiểm toán/soát xét theo quy định	30	-		
17	Chứng khoán niêm yết bị cảnh báo	20	-		
18	Chứng khoán niêm yết bị kiểm soát	25	-		
19	Chứng khoán bị tạm ngừng, hạn chế giao dịch giao dịch	40	-		
20	Chứng khoán bị hủy niêm yết, hủy giao dịch	80	-		
<b>VIII. Chứng khoán khác</b>					
21	Cổ phiếu, trái phiếu của công ty chưa đại chúng phát hành không có báo cáo tài chính kiểm toán gần nhất đến thời điểm lập báo cáo hoặc có báo cáo tài chính kiểm toán nhưng có ý kiến kiểm toán là trái ngược, từ chối đưa ra ý kiến hoặc ý kiến không chấp thuận toàn phần.	100	-		
22	Cổ phần, phần vốn góp và các loại chứng khoán khác	80	1.000.000.000	800.000.000	
23	Các tài sản đầu tư khác	80	-	-	
<b>IX. Rủi ro tăng thêm (nếu có)</b>					
	Mã chứng khoán	Mức tăng thêm	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro	
	SAM	30%	9.328.972.100	279.869.163	
<b>A. TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO THỊ TRƯỜNG (A= I+II+III+IV+V+VI+VII+VIII+IX)</b>					2.012.852.573

35 NG NL PH NG

**BẢO CẢO TỶ LỆ AN TOÀN TẠI CHỖ GIỮ NIÊN ĐỘ**

Tại thời điểm: 30/06/2022

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

**II. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO (tiếp theo)**

**B. RỦI RO THANH TOÁN**

Giá trị rủi ro		48.484.194	-	-	-	-	-	-	48.484.194	Tổng giá trị rủi ro thanh toán
Giá trị rủi ro		-	-	-	-	-	-	-	-	Rủi ro tăng thêm (Thuyết minh 3)
Giá trị rủi ro		48.484.194	-	-	-	-	-	-	48.484.194	Rủi ro từ các khoản tạm ứng, hợp đồng, giao dịch khác
Giá trị rủi ro		-	-	-	-	-	-	-	-	Rủi ro quá thời hạn thanh toán (Thuyết minh 2)
Giá trị rủi ro		-	-	-	-	-	-	-	-	Rủi ro trước thời hạn thanh toán (Thuyết minh 1)

**1. Rủi ro trước thời hạn thanh toán**

Loại hình giao dịch	Hệ số rủi ro (%)						Giá trị rủi ro (VND)			Tổng giá trị rủi ro	
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)					
1	0%	0,8%	3,2%	4,8%	6%	8%	-	-	-	48.484.194	Tiền gửi có kỳ hạn, chứng chỉ tiền gửi, các khoản tiền cho vay không có tài sản bảo đảm, các khoản phải thu từ hoạt động kinh doanh chứng khoán và các khoản mục tiềm ẩn rủi ro thanh toán khác
<b>TỔNG RỦI RO TRƯỚC THỜI HẠN THANH TOÁN</b>											
										48.484.194	

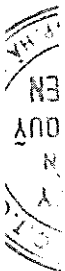
**2. Rủi ro quá thời hạn thanh toán**

Thời gian quá hạn	Hệ số rủi ro (%)	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
1	16	-	-
2	32	-	-
3	48	-	-
4	100	-	-

**3. Rủi ro quá thời hạn thanh toán**

1	100	-	-
---	-----	---	---

Các hợp đồng, giao dịch, các khoản sử dụng vốn ngoài các giao dịch, hợp đồng được ghi nhận ở các điểm a, b, c, d, e, g khoản 1 Điều 10 Thông tư này; Các khoản phải thu từ mua bán nợ với đối tác giao dịch không phải Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam (VAMC), Công ty trách nhiệm hữu hạn mua bán nợ Việt Nam (DATC) (Chi tiết từng đối tượng);  
 Khoản tạm ứng chiếm trên 5% vốn chủ sở hữu có thời gian hoàn ứng còn lại dưới 90 ngày (Chi tiết từng đối tượng).



**BẢO CẢO TỶ LỆ AN TOÀN TẠI CHÍNH GIA MIỄN ĐỘ**

Tại thời điểm: 30/06/2022

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

**II. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO (tiếp theo)**

TỔNG RỦI RO QUẢ THỜI HẠN THANH TOÀN	-
-------------------------------------	---

**4. Rủi ro tăng thêm**

TT	Chi tiết tới từng khoản vay, tới từng đối tác	Mức tăng thêm	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
		10%		-
		20%		-
		30%		-
<b>TỔNG RỦI RO TĂNG THÊM</b>				

**C. RỦI RO HOẠT ĐỘNG (TÍNH TRONG VÒNG 12 THÁNG)**

Chi tiêu	Giá trị
I Tổng chi phí hoạt động phát sinh trong vòng 12 tháng	6.253.801.757
II Các khoản giảm trừ khỏi tổng chi phí (Thuyết minh I)	(190.268.128)
III Tổng chi phí sau khi giảm trừ (III=I-II)	6.444.069.885
IV 25% Tổng chi phí sau khi giảm trừ (IV=25%III)	1.611.017.471
V 20% Vốn pháp định của tổ chức kinh doanh chưa hoàn	5.000.000.000
<b>TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO HOẠT ĐỘNG (Max{IV,V})</b>	<b>5.000.000.000</b>

**1. Các khoản giảm trừ khỏi tổng chi phí**

Đơn vị tính: VND	Giá trị
Chi phí khấu hao	-
Hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị sản tài chính và tài sản thế chấp	(190.268.128)
Chi phí/Hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị sản tài chính dài hạn	-
Chi phí dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	-
<b>(190.268.128)</b>	

**III. BẢNG TỔNG HỢP CÁC CHI TIÊU RỦI RO VÀ VỐN KHẢ DỤNG**

STT	Các chi tiêu	Giá trị rủi ro /Vốn khả dụng	Chi chủ (nếu có)
1	Tổng giá trị rủi ro thị trường	2.012.852.573	
2	Tổng giá trị rủi ro thanh toán	48.484.194	
3	Tổng giá trị rủi ro hoạt động	5.000.000.000	
4	Tổng giá trị rủi ro (4=1+2+3)	7.061.336.767	
5	Vốn khả dụng	24.096.201.255	
6	Tỷ lệ an toàn vốn khả dụng (6=5/4)	341%	

Hà Nội, ngày 10 tháng 08 năm 2022

CÔNG TY CP QUẢN LÝ QUY BÔNG SEN

Tổng Giám đốc



Cao Hoài Thanh

Trưởng bộ phận Kiểm soát nội bộ



Nguyễn Trung Kiên

Kế toán trưởng



Dur Đức Ninh